

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH THỦY
TỈNH PHÚ THỌ**

Bản án số: 03/2020/HNGĐ - ST
Ngày: 19/02/2020
V/V tranh chấp "Hôn nhân và gia đình"

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH THỦY - TỈNH PHÚ THỌ
*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Bùi Khoa Hương**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Đỗ Minh Thân**

Ông **Nguyễn Thành Lâm**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông **Lê Anh Xuân Ngọc** - Thư ký
Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Thùy** - Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 02 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ. Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 174/2019/TLST- HNGĐ ngày 10/12/2019 về việc “*Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2020/QĐST- HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2020 và thông báo mở lại phiên tòa số: 06/2020/TB -TA ngày 03 tháng 02 năm 2020. Giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị M**, sinh năm 1993 (Có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Khu 17 xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Anh **Nguyễn Mạnh H**, sinh năm 1994 (Vắng mặt không lý do).

Địa chỉ: Khu 17 xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn: Trong đơn khởi kiện ngày 03/10/2019, bản tự khai ngày 13/12/2019 chị Nguyễn Thị M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị M kết hôn với anh Nguyễn Mạnh H ngày 29/12/2017. Trước khi kết hôn anh chị được tự do tìm hiểu, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn, anh chị làm ăn, chung sống tại xã Đ, huyện Thanh Thủy, tình cảm vợ chồng hòa thuận hạnh phúc, đến tháng 7/2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, không quan tâm, chăm sóc đến nhau và không thống nhất bảo ban nhau để làm ăn nuôi dạy con chung, nên vợ chồng thường xuyên cãi, chửi lẫn nhau. Sau khi mâu thuẫn mặc dù đã được hai bên gia đình giải quyết nhưng vợ chồng không thể hàn gắn được tình cảm với nhau. Đến tháng 6/2019 anh H đi làm ăn không về nhà chị đã điện thông báo cho anh H về Tòa án để giải quyết việc ly hôn, nhưng anh H nói bận đi làm không về được cũng không cho chị biết địa chỉ nơi ở và nơi làm việc cụ thể ở đâu. Nay chị M xác định

tình cảm vợ chồng không thể đoàn tụ được, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Mạnh H

Về con chung: Vợ chồng chị M có 01 người con chung:

Cháu Nguyễn Thanh T, sinh ngày 1x/6/2019. Hiện nay cháu T đang ở với chị M, khi ly hôn chị đề nghị xin được nuôi dưỡng cháu Tùng, chị không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị M không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về nợ chung vợ chồng, tài sản cho vay, công sức đóng góp: Chị Nguyễn Thị M không đề nghị giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 10/01/2020, ông Nguyễn Minh T2, sinh năm 1965 là bố đẻ anh Nguyễn Mạnh H trình bày:

Anh Nguyễn Mạnh H sinh năm 1994 là con trai gia đình ông. Năm 2017 anh Nguyễn Mạnh H kết hôn với chị Nguyễn Thị M. Sau khi kết hôn, anh H và chị M cùng nhau làm ăn sinh sống tại gia đình ông, tình cảm vợ chồng anh chị đã xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do sau khi kết hôn chị M đòi ra ngoài đi làm, không chịu ở nhà trong khi sức khỏe lại yếu, nên anh H không đồng ý để chị M đi làm. Đến tháng 6/2018 chị M đã tự ý đi khỏi nhà ông, kể từ đó đến nay anh H và chị M đã sống ly thân. Hộ khẩu của anh H và chị M vẫn ở khu 17 xã Đ, hiện nay anh H đi làm ăn không có mặt tại địa phương.

Ông Tuấn xác nhận gia đình ông đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án như thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập anh H, sau đó ông đã gọi điện thông báo cho anh H đến Tòa án để giải quyết vụ án ly hôn với chị M, nhưng anh H nói là bận đi làm ăn ở xa, điều kiện đi lại khó khăn nên không về Tòa án được. Anh H nhờ ông T2 báo cáo lại với Tòa án anh đồng ý ly hôn với chị M, về con chung anh H đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác anh H không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 10/01/2020 ông ông Lê Anh Đ - Chủ tịch UBND xã Đ, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ cung cấp cho Tòa án biết: Anh Nguyễn Mạnh H, sinh năm 1994 và chị Nguyễn Thị M kết hôn năm 2017 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Thanh Thủy là tự nguyện, anh H và chị M sống tại nhà ông Nguyễn Minh T2 tại khu 17 xã Đ, vợ chồng anh H, chị M có 01 con chung, quá trình chung sống vợ chồng anh chị có nhiều mâu thuẫn nên đã sống ly thân. Hiện nay anh H, chị M đang sinh sống tại khu 17 xã Đ nếu anh chị không thể đoàn tụ được đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn giữa anh H và chị M theo quy định pháp luật, để đảm bảo quyền, lợi ích cho các bên đương sự.

Tại biên bản xác minh ngày 10/01/2020 bà Bùi Thị Thanh H2 - Chủ tịch Hội phụ nữ xã Đ, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ cung cấp cho Tòa án biết: Anh Nguyễn Mạnh H, sinh năm 1994 và chị Nguyễn Thị M kết hôn năm 2017 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Thanh Thủy là tự nguyện, chị Nguyễn Thị M là chi Hội Phụ nữ xã Đ sống tại nhà ông Nguyễn Minh T2 tại khu 17 xã Đ, vợ chồng anh H, chị M có 01 con chung, quá trình chung sống vợ chồng anh chị có nhiều mâu thuẫn. Sau khi vợ chồng chị M có mâu thuẫn Hội Phụ nữ đã phối hợp với khu dân cư để hòa giải vợ chồng đoàn tụ. Tuy nhiên hai bên không hàn gắn được và hai người đã sống ly thân. Hiện nay anh H, chị M đang sinh sống tại khu 17 xã Đ nếu anh chị không thể đoàn tụ được đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn giữa anh H và

chị M theo quy định pháp luật, để đảm bảo quyền, lợi ích cho các bên đương sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thủy phát biểu quan điểm:

Việc nhận đơn, phân công Thẩm phán giải quyết vụ án được thực hiện theo đúng Bộ luật tố tụng Dân sự.

Việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán tiến hành thụ lý vụ án, triệu tập đương sự đến Tòa án giải quyết, điều tra, xác M, thu thập chứng cứ và niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Các đương sự: Nguyên đơn đã chấp hành tham gia tố tụng, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng Dân sự

Bị đơn đã không chấp hành, thực hiện về các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 72 – Bộ luật tố tụng Dân sự

Đường lối giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56 Điều 58, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 4 Điều 147, Điều 207, Điều 227, Khoản 1, Khoản 3 Điều 228, Điều 271, Khoản 1 Điều 273 - Bộ luật tố tụng Dân sự. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị M về việc xin ly hôn anh Nguyễn Mạnh H. Xử cho chị Nguyễn Thị M được ly hôn anh Nguyễn Mạnh H.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thanh T, sinh ngày 1x/6/2019 cho chị Nguyễn Thị M được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T đến khi thành niên, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung, do chị M không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng chị M không yêu cầu giải quyết, nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết. Khi nào các bên đương sự có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

Về án phí ly hôn: Chị Nguyễn Thị M phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do đương sự cung cấp, bản tự khai tại Tòa án, các tài liệu chứng cứ khác do Tòa án thu thập. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Mạnh H là bị đơn trong vụ án hôn nhân gia đình, sau khi Tòa án nhận được đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị M về việc xin ly hôn với anh Nguyễn Mạnh H. Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy đã thụ lý vụ án và triệu tập chị M, anh H đến Tòa án để giải quyết, chị M đã chấp hành, anh H không chấp hành. Tòa án đã tiến hành lập biên bản về việc anh H vắng mặt không có lý do tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Như vậy, vụ án không thể tiến hành hòa giải theo quy định của pháp luật, thuộc trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng Dân sự. Sau đó Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ, niêm yết các văn bản tố tụng nơi anh H có hộ khẩu thường trú tại khu 17 xã Đ, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ. Nhưng anh H vẫn cố tình vắng mặt tại Tòa án thể hiện tại các biên bản giao nhận, biên bản niêm yết có lưu trong hồ sơ vụ án. Tại phiên tòa hôm nay anh H vắng mặt không lý do, chị M có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b Khoản 2

Điều 227, Khoản 1, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Mạnh H kết hôn năm 2017. Trước khi kết hôn anh chị được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn tình cảm vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc, đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng anh chị bất đồng quan điểm sống, trong cuộc sống vợ chồng anh chị không bảo ban nhau lao động làm ăn phát triển kinh tế, xây dựng hạnh phúc gia đình và nuôi dạy con chung nên thường xuyên cãi chửi nhau. Tuy nhiên, mâu thuẫn này đã được hai bên gia đình giải quyết nhưng tình cảm không hàn gắn được, vợ chồng đã sống ly thân nhau từ đó đến nay không còn quan tâm gì đến nhau nữa, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị M xin được ly hôn với anh Nguyễn Mạnh H.

Về phía anh Nguyễn Mạnh H trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập đến giải quyết, nhưng anh H đều vắng mặt không lý do. Mặc dù anh H đã biết chị M có đơn xin ly hôn với anh và được gia đình thông báo, động viên nhưng anh không đến Tòa án để giải quyết vì lý do đi làm ăn xa không có điều kiện về, nên anh đã nhờ bố đẻ là ông Nguyễn M Tuấn báo cáo với Tòa án là đồng ý ly hôn với chị M còn về con chung, tài sản chung, nợ chung anh đề nghị giải quyết theo pháp luật. Tuy nhiên đây chỉ là lời trình bày của ông Tuấn, anh H không thể hiện ý trí bằng văn bản, đây là lý do anh H đưa ra về việc không chấp hành pháp luật. Như vậy anh H đã cố tình che giấu địa chỉ và từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình. Tại phiên tòa hôm nay anh H vẫn cố tình vắng mặt không lý do. Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

Trước khi chuẩn bị xét xử chị Nguyễn Thị M có đơn xin xét xử vắng mặt và tại phiên tòa hôm nay chị M vắng mặt, nhưng chị vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh H và xin được nuôi con không yêu cầu cấp dưỡng, về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác chị không đề nghị giải quyết. Do đó HĐXX cần chấp nhận yêu cầu của chị M và xử cho chị Nguyễn Thị M được ly hôn anh Nguyễn Mạnh H là phù hợp với luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Mạnh H có 01 con chung: Cháu Nguyễn Thanh T, sinh ngày 1x/6/2019, hiện nay cháu T còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi. Để bảo đảm quyền lợi của cháu T, cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục của người mẹ, HĐXX giao cháu T cho chị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T đến khi thành niên, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung, do chị M không yêu cầu. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Trong quá trình giải quyết vụ án chị M không đề nghị giải quyết. Do vậy, HĐXX không xem xét giải quyết. Tuy nhiên đây mới là chứng cứ của chị M đưa ra. Tại phiên tòa hôm nay chị M, anh H đều vắng mặt, sau này có yêu cầu thì Tòa án sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

[5] Về án phí Hôn nhân sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị M phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm. Các bên đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 58; 81; 82; 83 - Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147, Khoản 1 Điều 207, điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1, Khoản 3 Điều 228, Điều 271, Khoản 1 Điều 273 - Bộ luật tố tụng Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị M về việc xin ly hôn anh Nguyễn Mạnh H.

Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị M được ly hôn anh Nguyễn Mạnh H

Về con chung: Giao cháu Cháu Nguyễn Thanh T, sinh ngày 1x/6/2019 cho chị Nguyễn Thị M trực tiếp nuôi dưỡng cháu T đến khi thành niên, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị M không yêu cầu, nhưng anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Trong quá trình giải quyết vụ án chị M không đề nghị giải quyết, tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt. Do vậy, HĐXX không xem xét giải quyết khi nào các đương sự có yêu cầu thì Tòa án sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị M phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị M đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí lệ phí số AA/2017/0001679 ngày 10/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ. Nay chuyển thành án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7, điều 7a và điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại UBND xã nơi cư trú, lên Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ để yêu cầu xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thanh Thủy, Tỉnh
- THADS huyện Thanh Thủy
- UBND xã Đào Xá
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ - VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Khoa Hương